

Tuần 1

Câu 1: Triết học xuất hiện như thế nào?

- A. Do nhu cầu của đời sống xã hội
- B. Khi con người có khả năng khái quát
- C. Khi xã hội có sự phân chia lao động trí óc và lao động chân tay và có sự phân chia thành giai cấp

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Quan điểm “Duy vật” cho rằng:

- A. Ý thức có trước và quyết định vật chất
- B. Vật chất có trước và quyết định ý thức**
- C. Con người có khả năng nhận thức thế giới
- D. Con người không có khả năng nhận thức thế giới

Câu 3: Phát minh khoa học nào sau đây là căn cứ chứng minh cho sự chuyển hóa các hình thức vận động, tính vô cùng, vô tận của thế giới?

- A. Thuyết tế bào
- B. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng**
- C. Thuyết Tiến hóa của Darwin
- D. Thuyết nguyên tử của Democrit

Câu 4: Quá trình Mác Ăng-ghe-nh hình thành và phát triển học thuyết Mác Lênin gồm mấy giai đoạn?

- A. Năm
- B. Ba**
- C. Bốn
- D. Hai

Câu 5: Chủ nghĩa Mác ra đời là tất yếu hợp quy luật vì:

- A. Đòi hỏi của thực tiễn xã hội và của phong trào công nhân là phải có lí luận soi đường ✓
- B. Dựa trên những thành tựu của khoa học tự nhiên thế kỉ 19 ✓
- C. Dựa trên những giá trị của triết học cổ điển Đức, KTCT học cổ điển Anh và CNXH không tưởng phê phán Pháp ✓

D. Cả 3 phương án trên

Câu 6: Thực tiễn xã hội châu Âu thế kỉ 19 là tiền đề kinh tế - xã hội cho học thuyết Mác ra đời có những đặc điểm nào?

- A. Phương thức sản xuất TBCN đã hình thành đầy đủ ✓
- B. Quan hệ sản xuất TBCN bộc lộ rõ bản chất là quan hệ bóc lột lao động làm thuê
- C. Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ ở châu Âu ✓

D. Tất cả các phương án trên

Câu 7: Chọn câu trả lời đúng nhất về “Thế giới quan”?

- A. Là quan niệm của con người về thế giới
- B. Có hạt nhân là triết học
- C. Là sự hoà nhập giữa tri thức và niềm tin

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 8: Trước năm 1844 là thời kì Mác và Ăng-ghe-n:

- A. Đề xuất những nguyên lí cơ bản của Học thuyết Mác

B. Chuyển biến lập trường từ duy tâm sang duy vật, từ dân chủ tư sản sang lập trường CSCN

- C. Bổ sung và phát triển Lí luận
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 9: Các nhà “Khả tri” cho rằng:

- A. Vật chất có trước và quyết định ý thức
- B. Ý thức có trước và quyết định vật chất
- C. Con người không có khả năng nhận thức thế giới

D. Con người có khả năng nhận thức thế giới

Câu 10: Triết học là gì?

- A. Khoa học của các khoa học
- B. Quan điểm chung về thế giới
- C. Là thế giới quan

D. Hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới; về vị trí, vai trò của con người

trong thế giới

Câu 11: Lãnh đạo cuộc cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 là ai?

- A. Karl Marx
- B. Hồ Chí Minh
- C. Engels

☒ D. V.I. Lenin

Câu 12: Vấn đề cơ bản của triết học là gì?

- A. Câu hỏi con người có khả năng nhận thức thế giới hay không

☒ B. Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại

- C. Câu hỏi giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào quyết định cái nào
- D. Sự khẳng định vật chất có trước và quyết định ý thức

Câu 13: Đối tượng của triết học Mác Lênin là gì?

- A. Tất cả các lĩnh vực

☒ B. Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại

- C. Không có đối tượng riêng
- D. Là khoa học của mọi khoa học

Câu 14: Các nhà “Bất Khả tri” cho rằng:

- A. Vật chất có trước và quyết định ý thức

☒ B. Con người không có khả năng nhận thức thế giới

- C. Con người có khả năng nhận thức thế giới
- D. Ý thức có trước và quyết định vật chất

Câu 15: Chủ nghĩa xã hội không tưởng có hạn chế là:

- A. Tìm ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- B. Chỉ có trong thần thoại, cổ tích
- C. Chỉ ra được con đường giải phóng xã hội là đi lên chủ nghĩa cộng sản

D. Không chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội có thể giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột

Câu 16: Phát minh khoa học nào sau đây chứng minh cho quan điểm DVBC về nguồn gốc tự nhiên của loài người?

A. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng

B. Thuyết tế bào và Thuyết Tiến hóa của Darwin

C. Thuyết Tiến hóa của Darwin

D. Thuyết nguyên tử của Democrit

Câu 17: Thế kỉ 19 ở châu Âu, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

A. Là PTSX lạc hậu

B. Là PTSX mới ra đời

C. Là PTSX tiên tiến của thời đại đó

D. Là PTSX của xã hội tương lai

Câu 18: Triết học Marx trực tiếp kế thừa:

A. CNXH không tưởng phê phán Pháp thế kỉ 19

B. Triết học thời cổ đại

C. Triết học cổ điển Đức

D. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh

Câu 19: Quan điểm “Duy tâm” cho rằng:

A. Con người không có khả năng nhận thức thế giới

B. Con người có khả năng nhận thức thế giới

C. Vật chất có trước và quyết định ý thức

D. Ý thức có trước và quyết định vật chất

Câu 20: Triết học là gì?

A. Một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội

B. Là hạt nhân của thế giới quan

C. Là hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới; về vị trí, vai trò của con người trong thế giới

D. Tất cả các quan điểm trên

Câu 21: Chủ nghĩa Mác – Lê nin là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học gồm:

A. Ba bộ phận hợp thành là triết học cổ điển Đức, KTCT cổ điển Anh và CNXH không tưởng phê phán

B. Ba bộ phận hợp thành là triết học, KTCT và CNXH không tưởng

C. Ba bộ phận hợp thành là triết học Heghen, Triết học của Phoi-ơ-Bắc và KTCT của Adam Smith

D. Ba bộ phận hợp thành là Triết học, KTCT và CNXHKH

Câu 22: Phương pháp siêu hình là gì?

A. Cách thức người ta sử dụng để đạt mục đích

B. Cách nghiên cứu thế giới trong liên hệ vận động phát triển ✕

C. Cách nghiên cứu thế giới trong sự cô lập tĩnh tại

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 23: Chủ nghĩa Mác – Lênin là gì?

A. Là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học do C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n sáng lập và V.I.Lênin phát triển; Là sự kế thừa phát triển những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại, trên cơ sở thực tiễn của thời đại;

B. Khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người

C. Là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 24: Chủ nghĩa Marx - Lenin trực tiếp kế thừa:

A. Triết học cổ điển Đức

B. CNXH không tưởng phê phán Pháp thế kỉ 19

C. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 25: Tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời năm nào?

A. 1842

B. 1844

C. 1847

D. 1848

Câu 26: Tác phẩm Nhà nước và Cách mạng là của tác giả nào?

A. V.Lênin

B. F.Ăng-ghen

C. C.Mác

D. Platon

Câu 27: Chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời khi nào, ở đâu?

A. Châu Á, thế kỉ 19

B. Châu Âu, thế kỉ 19 /

C. Nước Đức, thế kỉ 19

D. Châu Âu, thế kỉ 18

Câu 28: Phong trào công nhân ở châu Âu thế kỉ 19 phản ánh mâu thuẫn nào sau đây?

A. Mâu thuẫn giữa Tư sản và Vô sản

B. Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX của phương thức sản xuất TBCN

C. Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX của phương thức sản xuất TBCN, mâu thuẫn giữa Tư sản và Vô sản

D. Mâu thuẫn giữa Kiến trúc thượng tầng và Cơ sở hạ tầng

Câu 29: Phương pháp biện chứng là gì?

A. Cách thức người ta sử dụng để đạt mục đích

B. Cách nghiên cứu thế giới trong liên hệ vận động phát triển

C. Cách nghiên cứu thế giới trong sự cô lập tĩnh tại

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 30: Chủ nghĩa Mác – Lê nin là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học do:

A. C.Mác sáng lập, Ăng-ghen và Lênin bổ sung phát triển

B. C.Mác, Ph.Ăng-ghen sáng lập và V.I.Lênin phát triển

C. Lê nin sáng lập

D. C.Mác và Lê nin sáng lập, Ăng-ghen bổ sung phát triển

Câu 31: Chủ nghĩa xã hội khoa học khác CNXH không tương ở chỗ:

A. Chỉ ra được con đường giải phóng xã hội là đi lên chủ nghĩa cộng sản

B. Mô tả một xã hội tốt đẹp

C. Phản ánh mơ ước giải phóng của con người

D. Không chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội có thể giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột

Câu 32: Triết học là gì?

A. Một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội

B. Là hạt nhân của thế giới quan

C. Là hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới; về vị trí, vai trò của con người trong thế giới

D. Tất cả các quan điểm trên

Tuần 2

Câu 1: “Ý thức” được sinh ra và tồn tại ở:

A. Bộ não người

B. Bên ngoài con người

C. Tách rời não người

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Theo quan điểm duy tâm, Ý thức của con người là:

A. Sản phẩm của vật chất

B. Có tính xã hội và tính sáng tạo

C. Là sản phẩm của ý niệm tuyệt đối

D. Sự phản ánh của thế giới khách quan vào não người

Câu 3: Chọn đáp án đúng cho sự sắp xếp của các hình thức vận động theo thứ tự từ thấp đến cao?

A. 1. Vận động cơ học/ 2. Vận động vật lí / 3. Vận động sinh học/ 4. Vận động xã hội/ 5. Vận động hóa học

B. 1. Vận động vật lí/ 2. Vận động cơ học/ 3. Vận động sinh học/ 4. Vận động xã hội/ 5. Vận động hóa học

C. 1. Vận động cơ học/ 2. Vận động vật lí / 3. Vận động hóa học/ 4. Vận động sinh học/ 5. Vận động xã hội

D. 1. Vận động vật lí/ 2. Vận động cơ học/ 3. Vận động sinh học/ 4. Vận động xã hội/ 5. Vận động hóa học

Câu 4: “Vật chất là lửa” là quan điểm của ai?

A. Heraclit

B. Aristot

C. Platon

D. Democrit

Câu 5: Hạn chế chung của các quan niệm trước Mác về vật chất là gì?

A. Coi vật chất là vật cụ thể, hữu hình, cảm tính

B. Coi vật chất là nguyên tử

C. Coi vật chất và cái vô hạn

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 6: Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng trong triết học duy vật đầu thế kỉ 20 là gì?

A. Coi vật chất là vật cụ thể

B. Tô-môn-xơn phát hiện ra điện tử

C. Thuyết tương đối của Einstein (1905) $\} x^2$

D. Quan niệm Vật chất là nguyên tử, vận động, không gian thời gian, vật chất là tách rời nhau

Câu 7: Quan điểm “Duy tâm” cho rằng:

A. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

B. Ý thức là sản phẩm của vật chất có tổ chức cao là bộ não người

C. Ý thức là sự phản ánh của thế giới khách quan vào óc người trên cơ sở của lao động và ngôn ngữ

D. Ý thức là cái có trước và quyết định vật chất

Câu 8: Theo quan điểm “Duy vật biện chứng”, vận động có mấy hình thức?

A. 4 hình thức

B. 3 hình thức

C. 5 hình thức

D. 2 hình thức

Câu 9: “Vận động là phương thức tồn tại của vật chất”, điều này có nghĩa là gì?

A. Vận động là tương đối

B. Vận động không có quan hệ với vật chất

C. Vận động là hình thức của sự vật

D. Thông qua vận động mà vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình

Câu 10: Chọn phương án đúng khi nói về quan điểm “Duy vật biện chứng”?

A. Ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người

- B. Không gian, thời gian, vận động và vật chất tách rời nhau
- C. Ý thức có trước và quyết định vật chất
- D. Nguyên nhân vận động nằm ngoài sự vật

Câu 11: Chọn phương án đúng khi nói về quan điểm “Duy vật siêu hình”?

A. Không gian, thời gian, vận động và vật chất tách rời nhau

- B. Nguyên nhân vận động là do thượng đế
- C. Ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người
- D. Ý thức có trước và quyết định vật chất

Câu 12: Chọn đáp án đúng khi nói về “Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất”?

- A. Phải thông qua hoạt động của con người
- B. Có thể thúc đẩy điều kiện vật chất phát triển
- C. Có thể kìm hãm sự phát triển của điều kiện vật chất

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 13: Ý thức là gì?

- A. Sản phẩm của vật chất có tổ chức cao là bộ não người
- B. Hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- C. Sự phản ánh của thế giới khách quan vào óc người trên cơ sở của lao động và ngôn ngữ

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 14: Ý thức của con người có chức năng:

- A. Ghi nhớ
- B. Tư duy/ Suy nghĩ
- C. Điều khiển

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 15: Chọn phương án đúng khi nói về “Vận động” theo quan điểm Duy vật biện chứng?

A. Vận động chỉ là sự dịch chuyển vị trí của vật thể trong không gian

B. Vận động là mọi biến đổi nói chung

C. Vật chất chỉ có 1 hình thức tồn tại là vận động

D. Vận động có nguyên nhân bên ngoài

Câu 16: Nội dung nào không có trong định nghĩa Vật chất của Lênin?

A. Tồn tại phụ thuộc vào cảm giác

B. Đem lại cho con người cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh

C. Tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác

D. Vật chất là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan

Câu 17: Nguồn gốc “Vật chất của ý thức” là gì?

A. Não người – nơi sinh ra ý thức

B. Thế giới khách quan – nội dung của ý thức

C. Lao động và ngôn ngữ - hai sức kích thích làm cho ý thức ra đời và phát triển

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 18: Vật chất có những phương thức và hình thức tồn tại nào?

A. Vận động, không gian và thời gian

B. Không gian, thời gian

C. Vận động

D. Thời gian

Câu 19: “Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất”, điều này có nghĩa là gì?

A. Vận động của vật chất là tự thân vận động

B. Nguyên nhân vận động nằm bên trong sự vật

C. Vận động là do sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố trong lòng sự vật gây nên

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 20: Quan niệm cho rằng “Vật chất - vận động - không gian và thời gian tách rời nhau” là lập trường nào?

- A. Duy vật
- B. Duy vật biện chứng
- C. Duy tâm
- D. Duy vật siêu hình**

Câu 21: Sự vật có những đặc tính nào sau đây?

- A. Tồn tại khách quan không phụ thuộc vào cảm giác
- B. Có lúc sinh ra, tồn tại rồi mất đi
- C. Có nhiều thuộc tính, trong đó có thuộc tính tồn tại khách quan
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 22: Chọn đáp án đúng nhất để hoàn chỉnh định nghĩa “Vật chất”

“Vật chất là triết học dùng để chỉ thực tại khách quan.....cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta, tồn tại vào cảm giác”

- A. Được đem lại/ chép lại, chụp lại, phản ánh/ không phụ thuộc
- B. Một phạm trù triết học/ được đem lại/ chép lại, chụp lại, phản ánh / phụ thuộc
- C. Một phạm trù/ được đem lại/ chép lại, chụp lại, phản ánh/ không phụ thuộc**
- D. Một phạm trù triết học/ chép lại, chụp lại/ không phụ thuộc

Câu 23: Đúng im là gì?

- A. Là sự vận động trong thăng bằng
- B. Chỉ đối với 1 hình thức vận động
- C. Là tương đối
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 24: Chọn phương án đúng:

- A. Ý thức và vật chất là vĩnh hằng bất biến
- B. Ý thức là đặc tính của mọi sự vật hiện tượng
- C. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan**

D. Ý thức và vật chất đều tồn tại khách quan

Câu 25: Đặc tính cơ bản của vật chất là gì?

A. Vô tận

B. Chủ quan

C. Tuyệt đối

D. Khách quan

Câu 26: Quan hệ giữa vận động và đứng im là gì?

A. Quan hệ giữa cái tuyệt đối và cái tương đối

B. Quan hệ giữa vật chất và sự vật

C. Quan hệ giữa hai thuộc tính của sự vật

D. Các phương án đều đúng

Câu 27: Chọn phương án đúng khi nói về quan điểm “Duy tâm”?

A. Không gian, thời gian, vận động và vật chất tách rời nhau

B. Ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người

C. Ý thức có trước và quyết định vật chất

D. Nguyên nhân vận động nằm ngoài sự vật

Câu 28: Phản ánh là:

(Tìm phương án sai)

A. Đặc tính của mọi vật chất

B. Hình ảnh của sự vật, hiện tượng

C. Là dấu vết của sự tác động giữa các hệ thống vật chất

D. Sản phẩm của ý niệm tuyệt đối

Câu 29: Theo quan điểm “Duy vật biện chứng”, không gian là gì?

A. Kết cấu, độ dài ngắn, cao thấp

B. Thuộc tính về kết cấu, độ dài ngắn, cao thấp của các sự vật hiện tượng

C. Có trường tính

D. Khoảng trống

Câu 30: Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng trong quan niệm về vật chất đầu thế kỉ XX là gì?

A. Rơn-ghen tìm ra tia X /

B. Anh-xanh phát minh ra Thuyết tương đối /

C. Quan niệm coi vật chất là vật cụ thể, tách rời vận động, không gian và thời gian

D. Tôm-xơn tìm ra điện tử /

Câu 31: Bản chất của Ý thức là:

(Chọn phương án sai)

A. Có tính khách quan

B. Có tính sáng tạo

C. Có tính chủ quan

D. Có tính xã hội

Câu 32: Quan điểm “Duy vật biện chứng” cho rằng:

A. Đứng im là không vận động

B. Vận động và đứng im tách rời nhau

C. Đứng im là tương đối, vận động là tuyệt đối

D. Vận động là tương đối, đứng im là tuyệt đối

Câu 33: Vật chất là gì ?

A. Ngũ hành

B. Nguyên tử

C. Thuộc tính tồn tại khách quan của các sự vật hiện tượng

D. Vật cụ thể

Câu 34: “Vật chất là nước” là quan điểm của ai?

A. Talet

B. Aristot

C. Lênin

D. Platon

Câu 35: Chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

A. Nguyên nhân vận động nằm ngoài sự vật ✕

B. Vận động là sự dịch chuyển vị trí của các vật thể trong không gian ✕

C. Vật chất chỉ có một hình thức tồn tại là vận động ✕

D. Vận động là mọi biến đổi nói chung

Câu 36: Nội dung của “Ý thức” là do đâu?

A. Thế giới khách quan quy định

B. Cảm giác quy định

C. Ý niệm tuyệt đối quy định

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 37: “Vật chất là nguyên tử” là quan điểm của ai?

A. Aristot

B. Platon

C. Democrit

D. Heraclit

Câu 38: Chọn đáp án đúng khi nói về “Không gian và thời gian”?

A. Là những hình thức tồn tại của vật chất

B. Điều phụ thuộc vào tốc độ, khối lượng và trường hấp dẫn

C. Khách quan, vô hạn

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 39: Mỗi quan hệ biện chứng giữa “Vật chất” và “Ý thức” thể hiện như thế nào?

A. Vật chất quyết định ý thức và ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động của con người

B. Vật chất quyết định ý thức

C. Ý thức và vật chất tác động lẫn nhau

D. Ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động của con người

Câu 40: Theo quan điểm Duy vật biện chứng “Vật chất” là gì?

A. Vật chất là thuộc tính tồn tại khách quan của các sự vật hiện tượng

B. Vật chất là các vật cụ thể hữu hình cảm tính

C. Vật chất là phạm trù triết học

D. Vật chất là nước, lửa, không khí ...

Câu 41: Định nghĩa Vật chất của Lênin ra đời năm nào?

A. 1905

B. 1909

C. 1917

D. 1897

Tuần 3

Câu 1: Mọi liên hệ có những tính chất nào?

A. Khách quan/ phổ biến ✕

B. Khách quan/ phổ biến/ không ngang bằng nhau

C. ~~Quanh co/ phức tạp~~

D. Khách quan/ phổ biến/ kế thừa

Câu 2: Quan điểm Biện chứng duy vật cho rằng:

A. Cảm giác là cơ sở của các mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng ✕

B. Các sự vật và hiện tượng có mối liên hệ qua lại, tác động, quy định ảnh hưởng và có thể chuyển hoá lẫn nhau

C. Cái quyết định mối liên hệ, sự chuyển hoá...là một lực lượng tinh thần siêu nhiên tồn tại bên ngoài con người ✕

D. Sự liên hệ và ràng buộc lẫn nhau của sự vật hiện tượng có tính ngẫu nhiên

Câu 3: Quan điểm Duy tâm chủ quan cho rằng:

A. Các sự vật và hiện tượng có mối liên hệ qua lại, tác động, quy định ảnh hưởng và có thể chuyển hoá lẫn nhau

B. Sự liên hệ và ràng buộc lẫn nhau của sự vật hiện tượng có tính ngẫu nhiên

C. Cái quyết định mối liên hệ, sự chuyển hoá...là một lực lượng tinh thần siêu nhiên tồn tại bên ngoài con người

B. Cảm giác là cơ sở của các mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng

Câu 4: Chọn đáp án đúng khi nói về Phép biện chứng duy vật?

A. Là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội loài người và tư duy

- B. Có đối tượng là toàn bộ thế giới tinh thần ✕
- C. Là biện chứng của giới tự nhiên <
- D. Là biện chứng của ý niệm <

Câu 5: Tìm phương án sai trong các luận điểm sau:

A. Phát triển là sự thay đổi số lượng của từng loại sự vật

- B. Phát triển là phạm trù khái quát sự vận động đi lên của sự vật mà đặc trưng của nó là cái cũ mất đi cái mới ra đời
- C. Mỗi liên hệ là khách quan, vốn có của các sự vật, hiện tượng
- D. Mỗi liên hệ của các sự vật hiện tượng có tính khách quan, tính đa dạng, tính phổ biến

Câu 6: Mỗi liên hệ là gì?

- A. Là nguyên nhân của sự chuyển hóa các sự vật
- B. Là sự tác động lẫn nhau, sự quy định lẫn nhau giữa các mặt của sự vật
- C. Là khách quan và phổ biến

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 7: Các quan điểm Toàn diện - Lịch sử cụ thể - Phát triển có cơ sở lí luận là gì?

- A. Nguyên lí về sự phát triển
- B. Nguyên lí về mối liên hệ phổ biến
- C. Tính không tách rời của vật chất - vận động- không gian và thời gian

D. Tất cả các phương án trên

Câu 8: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng "Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức" thể hiện ở chỗ:

A. Sự vật hiện tượng là thể thống nhất của nội dung và hình thức trong đó nội dung quyết định hình thức, hình thức có tính độc lập tương đối và có thể tác động trở lại nội dung

- B. Nội dung và hình thức gắn bó không tách rời nhau; một nội dung chỉ có một hình thức nhất định
- C. Nội dung tương đối ổn định còn hình thức luôn luôn thay đổi
- D. Một nội dung do hình thức quyết định

Câu 9: Hãy chọn 1 đáp án đúng để điền vào câu sau: "_____ tồn tại trong _____ và thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình"

- A. Cái chung / cái đơn nhất
- B. Cái riêng / cái chung
- C. Cái đơn nhất/ cái riêng

D. Cái chung/ cái riêng

Câu 10: Chọn đáp án đúng khi nói về Cái riêng và cái chung theo quan điểm Duy vật biện chứng?

- A. Cái chung là thuộc tính của sự vật lặp lại ở các sự vật khác ✓
- B. Cái chung tồn tại trong những cái riêng ✓
- C. Cái chung và cái đơn nhất có thể chuyển hóa lẫn nhau ✓

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 11: Cái riêng là gì?

- A. Là cái đơn nhất

B. Phạm trù triết học chỉ một sự vật một quá trình riêng lẻ nhất định.

- C. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, không lặp lại ở đâu khác
- D. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, lặp lại trong nhiều sự vật khác

Câu 12: Quan điểm Biện chứng duy tâm khách quan cho rằng:

- A. Các sự vật và hiện tượng có mối liên hệ qua lại tác động, ảnh hưởng và chuyển hoá lẫn nhau ✓
- B. Sự liên hệ và ràng buộc lẫn nhau của sự vật hiện tượng có tính ngẫu nhiên ✗
- C. Cảm giác là cơ sở của các mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng

D. Cái quyết định mối liên hệ, sự chuyển hoá...là một lực lượng tinh thần siêu nhiên tồn tại bên ngoài con người

Câu 13: Theo quan điểm Duy vật biện chứng, Phạm trù là gì?

- A. Là những khái niệm rộng phản ánh thuộc tính bản chất chung nhất của các sự vật hiện tượng.
- B. Có nội dung thường xuyên thay đổi
- C. Vừa là kết quả vừa là công cụ của nhận thức

D. Tất cả các phương án trên

Câu 14: Chọn đáp án đúng khi nói về Tất nhiên?

A. Cái do nguyên nhân cơ bản bên trong kết cấu vật chất quyết định, trong những điều kiện nhất định phải xảy ra đúng như thế, không thể khác

- B. Cái có thể xuất hiện cũng có thể không
- C. Cái lặp lại ở nhiều sự vật khác nhau
- D. Cái do ngẫu hợp của hoàn cảnh tạo nên

Câu 15: Cho rằng “Các sự vật vừa tồn tại khách quan, vừa quy định và chuyển hoá lẫn nhau” là quan điểm nào?

- A. Là quan điểm biện chứng
- B. Là quan điểm duy vật siêu hình
- C. Là quan điểm duy vật biện chứng**
- D. Là quan điểm duy tâm

Câu 16: Cái chung là gì?

- A. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, lặp lại trong nhiều sự vật khác**
- B. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, không lặp lại ở đâu khác
- C. Phạm trù triết học chỉ một sự vật một quá trình riêng lẻ nhất định
- D. Là cái đơn nhất

Câu 17: Tính chất mâu thuẫn của bản chất và hiện tượng thể hiện ở chỗ:

- A. Bản chất phản ánh cái chung cái tất yếu còn hiện tượng phản ánh cái cá biệt
- B. Bản chất là mặt bên trong, hiện tượng là mặt bề ngoài của hiện thực
- C. Bản chất tương đối ổn định, hiện tượng biến đổi nhanh hơn
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 18: Phép biện chứng duy tâm của Hêghen có đặc trưng nào sau đây?

- A. Biện chứng của ý niệm tuyệt đối**
- B. Ngây thơ chất phác
- C. Thống nhất giữa thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật
- D. Giản đơn, máy móc

Câu 19: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Khả năng và hiện thực tồn tại trong quan hệ chặt chẽ không tách rời nhau, luôn chuyển hóa lẫn nhau
- B. Cùng một điều kiện, ở cùng một sự vật có thể tồn tại một số khả năng
- C. Khi có điều kiện mới sẽ xuất hiện những khả năng mới
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 20: Phát triển là gì?

- A. Có tính chủ quan
- B. Sự vận động theo chiều hướng đi lên, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn mà đặc trưng là cái cũ mất đi cái mới ra đời**
- C. Sự vận động đi lên theo đường thẳng
- D. Sự vận động theo chu kì khép kín

Câu 21: Phép biện chứng duy vật của Mác có đặc trưng nào sau đây?

- A. Thống nhất giữa thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật**
- B. Biện chứng của ý niệm tuyệt đối
- C. Ngây thơ chất phác
- D. Giản đơn, máy móc

Câu 22: Hiện tượng là gì?

- A. Tổng hợp tất cả những mặt những mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật
- B. Biểu hiện ra bên ngoài của những mặt, những mối liên hệ làm nên sự vật**
- C. Những mối liên hệ bên ngoài sự vật
- D. Tổng hợp các mặt, các yếu tố, quá trình tạo nên sự vật

Câu 23: Quan niệm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Sự vật hiện tượng tồn tại biệt lập, không vận động, không phát triển ✗
- B. Mọi sự vật hiện tượng tồn tại trong sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau**
- C. Các sự vật của thế giới không có sự ràng buộc lẫn nhau ✗
- D. Liên hệ của sự vật hiện tượng là chủ quan và phổ biến ✗

Câu 24: Chọn đáp án đúng nhất theo quan điểm Duy vật biện chứng?

- A. Cái riêng tồn tại trong cái chung
- B. Cái chung tồn tại trong cái riêng**
- C. Cái đơn nhất tồn tại trong cái chung
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 25: Phép biện chứng thời cổ đại có đặc trưng nào sau đây?

- B. Biện chứng của ý niệm tuyệt đối
- C. Thống nhất giữa thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật
- D. Ngây thơ chất phác**

Câu 26: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Biện chứng chủ quan quy định biện chứng khách quan
- B. Biện chứng chủ quan không có liên hệ với biện chứng khách quan
- C. Biện chứng chủ quan chính là biện chứng của thế giới hiện thực khách quan
- D. Biện chứng khách quan quy định biện chứng chủ quan**

Câu 27: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Liên hệ nhân quả có tính khách quan }

B. Nguyên nhân sinh ra kết quả nên thường có trước kết quả/

C. Muốn loại bỏ một hiện tượng nào phải loại bỏ nguyên nhân sinh ra nó/

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 28: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

A. Tất nhiên là cái do nguyên nhân cơ bản bên trong kết cấu vật chất quyết định, trong những điều kiện nhất định phải xảy ra đúng như thế, không thể khác

B. Ngẫu nhiên là cái do ngẫu hợp của hoàn cảnh tạo nên, thường do nguyên nhân bên ngoài quyết định, nó có thể xuất hiện cũng có thể không xuất hiện

C. Cả tất nhiên và ngẫu nhiên đều có nguyên nhân

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 29: Điền tiếp vào chỗ trống: “Phát triển là sự vận động theo chiều hướng đi lên từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, đặc trưng của nó là _____”

A. Cái cũ mất đi, cái mới ra đời

B. Lặp lại

C. Biến đổi

D. Mọi liên hệ

Câu 30: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

A. Tất nhiên và ngẫu nhiên đều tồn tại chủ quan do ý muốn con người quyết định

B. Tất nhiên và ngẫu nhiên đều do thượng đế quy định

C. Tất nhiên và ngẫu nhiên không có liên hệ với nhau

D. Tất nhiên và ngẫu nhiên đều tồn tại khách quan độc lập với ý thức con người

Câu 31: Nội dung phép Biện chứng duy vật bao gồm:

A. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

B. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

C. Ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

D. Cả 3 phương án trên

Câu 32: Quan điểm Duy tâm chủ quan cho rằng:

A. Nguyên nhân và kết quả chỉ là những kí hiệu mà con người dùng để ghi lại cảm giác của mình

B. Nguyên nhân là sự tác động gây nên những biến đổi nhất định

C. Liên hệ nhân quả có tính khách quan

D. Nguyên nhân sinh ra kết quả nên thường có trước kết quả

Câu 33: Cho rằng “Cảm giác là nền tảng của mọi liên hệ giữa các sự vật” là quan điểm nào?

A. Quan điểm duy tâm siêu hình

B. Quan điểm duy tâm chủ quan

C. Quan điểm duy vật

D. Quan điểm duy tâm khách quan

Câu 34: Chọn đáp án đúng nhất khi nói về Mọi liên hệ?

A. Mọi liên hệ của các sự vật là chủ quan và phổ biến

B. Mọi liên hệ là sự tác động qua lại, sự quy định của các sự vật

C. Mọi liên hệ là sự tác động lẫn nhau, sự quy định lẫn nhau giữa các sự vật hay giữa các mặt của sự vật; Liên hệ trong những điều kiện nhất định thì gây nên chuyển hóa

D. Mọi liên hệ của mọi sự vật là như nhau

Câu 35: Chọn đáp án đúng khi nói về Quan điểm siêu hình?

- A. Xem xét các sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập, không vận động**
- B. Xem xét sự vật hiện tượng trong các mối liên hệ
- C. Tìm nguồn gốc sự vận động phát triển ở bên trong sự vật
- D. Xem xét sự vật hiện tượng trong các mối liên hệ và trong sự vận động và phát triển của nó

Câu 36: Quan điểm Duy tâm khách quan cho rằng:

- A. Nguyên nhân và kết quả chỉ là những kí hiệu mà con người dùng để ghi lại cảm giác của mình ~~X~~ CB.
- B. Liên hệ nhân quả có tính khách quan ~~X~~ BC
- C. Nguyên nhân của mọi hiện tượng là ở một thực thể tinh thần tồn tại bên ngoài con người**
- D. Nguyên nhân sinh ra kết quả nên thường có trước kết quả BC

Câu 37: Hiện thực là gì?

- A. Là cái đang tồn tại thực**
- B. Là tiền đề
- C. Là cái chưa có, chưa tới nhưng sẽ có sẽ tới khi có các điều kiện tương ứng
- D. Là điều kiện

Câu 38: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Cái tất nhiên không tồn tại thuần túy mà biểu lộ thông qua cái ngẫu nhiên
- B. Không phải cái chung nào cũng là cái tất nhiên
- C. Tất nhiên và ngẫu nhiên có thể chuyển hóa lẫn nhau
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 39: Phát triển có những tính chất nào?

- A. Khách quan/ phổ biến/ kế thừa/ quanh co/ phức tạp**
- B. Quanh co/ phức tạp
- C. Khách quan/ phổ biến
- D. Khách quan/ phổ biến/ không ngang bằng nhau

Câu 40: Chọn đáp án đúng khi nói về quan điểm Duy vật biện chứng?

- A. Phạm trù bản chất gắn bó chặt chẽ với phạm trù cái chung, nhưng không phải cái chung nào cũng là bản chất. Bản chất là những cái chung tất yếu bên trong sự vật, quyết định sự tồn tại và phát triển của sự vật
- B. Bản chất và hiện tượng đều có tính khách quan
- C. Bản chất bao giờ cũng tự bộc lộ ra bên ngoài thông qua hiện tượng
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 41: Cho rằng “Tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng” là quan điểm nào?

- A. Là quan điểm duy tâm chủ quan
- B. Là quan điểm duy vật biện chứng**
- C. Là quan điểm duy vật siêu hình
- D. Là quan điểm duy tâm biện chứng

Câu 42: Quan điểm Duy tâm cho rằng:

- A. Biện chứng chủ quan chính là biện chứng của thế giới hiện thực khách quan
- B. Biện chứng chủ quan quy định biện chứng khách quan**
- C. Biện chứng khách quan quy định biện chứng chủ quan
- D. Biện chứng chủ quan không có liên hệ với biện chứng chủ quan

Câu 43: Bản chất là gì?

- A. Biểu hiện ra bên ngoài của những mặt, những mối liên hệ làm nên sự vật
- B. Những mối liên hệ bên trong sự vật
- C. Tổng hợp tất cả những mặt những mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật**
- D. Tổng hợp các mặt, các yếu tố, quá trình tạo nên sự vật

Câu 44: Khả năng là gì?

- A. Là cái chưa có, chưa tới nhưng sẽ có sẽ tới khi có các điều kiện tương ứng**
- B. Là cái đang tồn tại thực
- C. Là tiền đề
- D. Là điều kiện

Câu 45: Quan điểm Duy vật biện chứng cho rằng:

- A. Phải tìm nguyên nhân của sự vật hiện tượng ở trong chính sự vật hiện tượng**
- B. Phải tìm nguyên nhân của sự vật hiện tượng ở bên ngoài sự vật hiện tượng
- C. Phải tìm nguyên nhân của sự vật hiện tượng ở trong đầu óc con người
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 46: Hình thức là gì?

- A. Tổng hợp các mặt, các yếu tố, quá trình tạo nên sự vật
- B. Phương thức tồn tại phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố tạo nên sự vật**
- C. Chỉ là cái bề ngoài của sự vật
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 47: Chọn đáp án đúng khi nói về phép “Biện chứng duy vật”?

- A. Khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động phát triển của tự nhiên xã hội và tư duy con người
- B. Khoa học về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển
- C. Biện chứng chủ quan phản ánh cái biện chứng của thế giới khách quan

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 48: Theo quan điểm duy vật biện chứng, Phạm trù là gì?

- A. Là những từ ngữ do người ta tùy tiện đặt ra
- B. Là những khái niệm rộng phản ánh thuộc tính bản chất chung nhất của các sự vật hiện tượng**
- C. Có nội dung không đổi
- D. Là những khái niệm phản ánh thuộc tính bản chất chung nhất của các sự vật hiện tượng

Câu 49: Cái đơn nhất là gì?

- A. Phạm trù triết học chỉ một sự vật một quá trình riêng lẻ nhất định
- B. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, không lặp lại ở đâu khác**
- C. Phạm trù triết học chỉ thuộc tính của sự vật, lặp lại trong nhiều sự vật khác
- D. Là cái riêng

Câu 50: Đặc điểm của Mối liên hệ là gì?

- A. Tính khách quan, tính phổ biến, tính kế thừa, tính quanh co phức tạp
- B. Tính chủ quan
- C. Tính khách quan, tính phổ biến, tính không ngang bằng nhau**
- D. Tính khách quan, tính phổ biến

Câu 51: Nội dung là gì?

- A. Phương thức tồn tại phát triển của sự vật ✕
- B. Tổng hợp các mặt, các yếu tố, quá trình tạo nên sự vật**
- C. Hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố tạo nên sự vật
- D. Là cái bên ngoài của sự vật

Câu 52: Chọn đáp án đúng khi nói về Ngẫu nhiên?

- A. Cái do nguyên nhân cơ bản bên trong kết cấu vật chất quyết định, trong những điều kiện nhất định phải xảy ra đúng như thế, không thể khác
- B. Cái do nguyên nhân bên trong quy định
- C. Cái nhất định phải xảy ra

D. Cái do ngẫu hợp của hoàn cảnh tạo nên, thường do nguyên nhân bên ngoài quyết định, nó có thể xuất hiện cũng có thể không xuất hiện

Câu 53: Quan điểm Duy vật biện chứng quan cho rằng:

A. Liên hệ nhân quả có tính chủ quan ✗

B. Nguyên nhân sinh ra kết quả nên thường có trước kết quả

C. Nguyên nhân và kết quả chỉ là những kí hiệu mà con người dùng để ghi lại cảm giác của mình ✗

D. Nguyên nhân của mọi hiện tượng là ở một thực thể tinh thần tồn tại bên ngoài con người ✗

Tuần 4

Câu 1: Chọn đáp án đúng khi nói về “Phủ định biện chứng” theo quan điểm Biện chứng duy vật:

A. Có nguyên nhân bên trong

B. Có tính kế thừa

C. Là sự thay thế cái cũ bằng cái mới

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Đáp án nào sau đây là đúng khi nói về “Mâu thuẫn của sự vật” theo quan điểm Duy vật biện chứng?

A. Do nguyên nhân bên ngoài

B. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra

C. Do cảm giác quy định

D. Là tất yếu khách quan

Câu 3: Điền tiếp vào chỗ trống: “Khi mâu thuẫn xuất hiện thì ____”

A. Phải giải quyết mâu thuẫn

B. Thúc đẩy cho mâu thuẫn chín muồi và giải quyết mâu thuẫn

C. Chờ đợi mâu thuẫn tự giải quyết

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 4: Quy luật "Từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại" được trình bày bằng những khái niệm nào sau đây?

A. Chất; lượng

B. Độ; điểm nút

C. Chất; lượng; độ; điểm nút; bước nhảy

D. Bước nhảy

Câu 5: Quy luật Phủ định của phủ định có vai trò gì?

A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển

B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển

C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 6: Quan điểm Duy tâm cho rằng:

A. Mâu thuẫn là có tính khách quan

B. Mâu thuẫn của sự vật là tất nhiên

C. Mâu thuẫn chủ quan quy định mâu thuẫn khách quan

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 7: Tính chất và cách thức của sự phát triển diễn ra như thế nào?

A. Đi từ tuần tự những thay đổi về lượng đến bước nhảy- thay đổi về chất vượt qua những điểm nút vô tận để không ngừng tiến lên

B. Đi từ những thay đổi về chất đến thay đổi về lượng

C. Từ những bước nhảy

D. Các phương án trên đều sai

Câu 8: Chất là gì?

A. Tính quy định vốn có của sự vật ✓

B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác ✓

C. Bao gồm cả những thuộc tính căn bản và những thuộc tính không căn bản của sự vật ✓

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 9: Đáp án nào là đúng khi nói về “Chuyển hóa của các mặt đối lập”?

- A. Xuất hiện khi mâu thuẫn đã chín muồi
- B. Khi bước nhảy thực hiện
- C. Là cái cũ mất đi, cái mới ra đời

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 10: Quy luật Từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại (Quy luật Lượng – Chất) được hình thành từ mối liên hệ nào?

- A. Mối liên hệ giữa Chất và Lượng

B. Mối liên hệ giữa sự thay đổi về Lượng với sự thay đổi về Chất và ngược lại

- C. Mối liên hệ bên ngoài
- D. Mối liên hệ ngẫu nhiên

Câu 11: Phân loại quy luật theo lĩnh vực tác động có:

- A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến

B. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

- C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng
- D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật chung

Câu 12: Theo quan điểm Biện chứng duy vật:

- A. Sự vật là thống nhất của những mặt, những thuộc tính đối lập nhau. Nghĩa là đều bao hàm những mâu thuẫn
- B. Mâu thuẫn của sự vật là khách quan và phổ biến
- C. Khi Mâu thuẫn cơ bản của sự vật được giải quyết thì sự vật cũ mất đi , sự vật mới ra đời

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 13: Phân loại quy luật theo phạm vi tác động có:

- A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến
- B. Quy luật riêng/ quy luật chung/ quy luật phổ biến**
- C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng
- D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

Câu 14: Quy luật Mâu thuẫn có vị trí, vai trò gì?

- A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển
- B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển - là hạt nhân của phép biện chứng duy vật**
- C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 15: Bước nhảy chỉ thực hiện khi nào?

- A. Khi có những thay đổi về lượng
- B. Khi thay đổi về lượng đạt đến điểm nút
- C. Khi chất mới ra đời hoàn toàn
- D. Khi những thay đổi về lượng đạt tới mức có thể phá vỡ độ**

Câu 16: Mâu thuẫn là gì?

- A. Đấu tranh của các mặt đối lập
- B. Sự bài trừ phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập
- C. Khuynh hướng ngược nhau của các mặt đối lập
- D. Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập**

Câu 17: Bước nhảy chỉ được thực hiện khi nào?

- A. Thay đổi về chất
- B. Khi những thay đổi về lượng đã đạt tới mức có thể phá vỡ độ**
- C. Khi bắt đầu có sự thay đổi về lượng
- D. Khi thay đổi về lượng đạt tới điểm nút

Câu 18: Chất là gì?

- A. Có tính chủ quan
- B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác**
- C. Con số các thuộc tính làm thành sự vật
- D. Nói lên quy mô, trình độ của sự vật

Câu 19: Quy luật Lượng - Chất có vai trò gì?

- A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển**
- B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển
- C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 20: Sự vận động phát triển bắt đầu từ đâu?

- A. Những thay đổi dần dần về lượng**
- B. Điểm nút
- C. Bước nhảy
- D. Thay đổi về chất

Câu 21: Chọn đáp án đúng khi nói về Biểu hiện ra bên ngoài của quy luật?

- A. Tính bản chất
- B. Tính lặp lại**
- C. Tính phổ biến
- D. Tính khách quan

Câu 22: Trong một Độ nhất định thì:

- A. Lượng có thể thay đổi theo chiều tăng hoặc giảm còn chất không đổi**
- B. Lượng không thay đổi còn chất thay đổi
- C. Chất và lượng cố định
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 23: Phủ định biện chứng là gì?

- A. Không có sự kế thừa
- B. Sự mất đi của một sự vật
- C. Có nguyên nhân bên ngoài sự vật hiện tượng

D Sự thay thế cái cũ bằng cái mới

Câu 24: Vì sao trong cuộc sống phải chú ý tích lũy những thay đổi về lượng?

- A. Vì sự vận động bắt đầu từ bước nhảy
- B. Vì sự vận động bắt đầu từ thay đổi về chất
- C. Vì mâu thuẫn của cuộc sống quy định

D Vì sự thay đổi về lượng sẽ dẫn đến thay đổi về chất và sẽ tạo ra sự phát triển

Câu 25: Lượng là gì?

A Là tính quy định vốn có của sự vật, là con số các thuộc tính làm thành sự vật, nói lên quy mô, trình độ của sự vật

B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác

C. Có tính chủ quan ~~h~~ ^x

D. Các phương án trên đều sai

Câu 26: "Chất và Lượng thống nhất trong một độ" có nghĩa là gì?

A Trong một độ nhất định những thay đổi về lượng không làm thay đổi chất

B. Trong một độ, chất biến đổi còn lượng không biến đổi

C. Trong một độ nhất định những thay đổi về lượng làm thay đổi chất ngay

D. Chất và lượng biến đổi đồng thời

Câu 27: Điền tiếp vào chỗ trống "Trong quá trình vận động và phát triển, khi cái mới ra đời thay thế cái cũ chính là ____"

- A. Mâu thuẫn được giải quyết
- B. Bước nhảy được thực hiện hoàn toàn

C. Phủ định biện chứng

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 28: Quy luật là gì?

A. Mỗi liên hệ bên trong của sự vật

B. Tất cả các mối liên hệ của sự vật

C. Mỗi liên hệ bản chất, tất yếu, phổ biến, lặp đi lặp lại của sự vật

D. Mỗi liên hệ bên ngoài sự vật

Câu 29: Lượng là gì?

A. Tính quy định vốn có của sự vật

B. Con số các thuộc tính làm thành sự vật

C. Nói lên quy mô, trình độ của sự vật

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 30: Quy luật Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập còn được gọi là gì?

A. Quy luật Phủ định của phủ định

B. Quy luật Lượng – Chất

C. Quy luật Mâu thuẫn

D. Quy luật chung

Câu 31: Phân loại quy luật theo phạm vi tác động có:

A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng

B. Quy luật riêng/ quy luật chung/ quy luật phổ biến

C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến

Tuần 4

Câu 1: Chọn đáp án đúng khi nói về “Phủ định biện chứng” theo quan điểm Biện chứng duy vật:

- A. Có nguyên nhân bên trong
- B. Có tính kế thừa
- C. Là sự thay thế cái cũ bằng cái mới

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Đáp án nào sau đây là đúng khi nói về “Mâu thuẫn của sự vật” theo quan điểm Duy vật biện chứng?

- A. Do nguyên nhân bên ngoài
- B. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra
- C. Do cảm giác quy định

D. Là tất yếu khách quan

Câu 3: Điền tiếp vào chỗ trống: “Khi mâu thuẫn xuất hiện thì ____”

- A. Phải giải quyết mâu thuẫn

B. Thúc đẩy cho mâu thuẫn chín muồi và giải quyết mâu thuẫn

- C. Chờ đợi mâu thuẫn tự giải quyết
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 4: Quy luật "Từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại" được trình bày bằng những khái niệm nào sau đây?

- A. Chất; lượng
- B. Độ; điểm nút

C. Chất; lượng; độ; điểm nút; bước nhảy

- D. Bước nhảy

Câu 5: Quy luật Phủ định của phủ định có vai trò gì?

- A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển
- B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển

☒ C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển

- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 6: Quan điểm Duy tâm cho rằng:

- A. Mâu thuẫn là có tính khách quan ✗
- B. Mâu thuẫn của sự vật là tất nhiên ✓

☒ C. Mâu thuẫn chủ quan quy định mâu thuẫn khách quan

- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 7: Tính chất và cách thức của sự phát triển diễn ra như thế nào?

☒ A. Đi từ tuần tự những thay đổi về lượng đến bước nhảy- thay đổi về chất vượt qua những điểm nút vô tận để không ngừng tiến lên

- B. Đi từ những thay đổi về chất đến thay đổi về lượng
- C. Từ những bước nhảy
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 8: Chất là gì?

- A. Tính quy định vốn có của sự vật
- B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác
- C. Bao gồm cả những thuộc tính căn bản và những thuộc tính không căn bản của sự vật

☒ D. Các phương án trên đều đúng

Câu 9: Đáp án nào là đúng khi nói về “Chuyển hóa của các mặt đối lập”?

- A. Xuất hiện khi mâu thuẫn đã chín muồi
- B. Khi bước nhảy thực hiện
- C. Là cái cũ mất đi, cái mới ra đời

☒ D. Các phương án trên đều đúng

Câu 10: Quy luật Từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại (Quy luật Lượng – Chất) được hình thành từ mối liên hệ nào?

A. Mối liên hệ giữa Chất và Lượng

B. Mối liên hệ giữa sự thay đổi về Lượng với sự thay đổi về Chất và ngược lại

C. Mối liên hệ bên ngoài

D. Mối liên hệ ngẫu nhiên

Câu 11: Phân loại quy luật theo lĩnh vực tác động có:

A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến

B. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng

D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật chung

Câu 12: Theo quan điểm Biện chứng duy vật:

A. Sự vật là thống nhất của những mặt, những thuộc tính đối lập nhau. Nghĩa là đều bao hàm những mâu thuẫn

B. Mâu thuẫn của sự vật là khách quan và phổ biến

C. Khi Mâu thuẫn cơ bản của sự vật được giải quyết thì sự vật cũ mất đi , sự vật mới ra đời

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 13: Phân loại quy luật theo phạm vi tác động có:

A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến

B. Quy luật riêng/ quy luật chung/ quy luật phổ biến

C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng

D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

Câu 14: Quy luật Mâu thuẫn có vị trí, vai trò gì?

A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển

B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển - là hạt nhân của phép biện chứng duy vật

- C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 15: Bước nhảy chỉ thực hiện khi nào?

- A. Khi có những thay đổi về lượng
- B. Khi thay đổi về lượng đạt đến điểm nút
- C. Khi chất mới ra đời hoàn toàn

D. Khi những thay đổi về lượng đạt tới mức có thể phá vỡ độ

Câu 16: Mâu thuẫn là gì?

- A. Đấu tranh của các mặt đối lập
- B. Sự bài trừ phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập
- C. Khuynh hướng ngược nhau của các mặt đối lập

D. Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Câu 17: Bước nhảy chỉ được thực hiện khi nào?

- A. Thay đổi về chất

B. Khi những thay đổi về lượng đã đạt tới mức có thể phá vỡ độ

- C. Khi bắt đầu có sự thay đổi về lượng
- D. Khi thay đổi về lượng đạt tới điểm nút

Câu 18: Chất là gì?

- A. Có tính chủ quan ✕

B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác

- C. Con số các thuộc tính làm thành sự vật / ✕

D. Nói lên quy mô, trình độ của sự vật

Câu 19: Quy luật Lượng - Chất có vai trò gì?

A. Chỉ ra tính chất và cách thức của sự phát triển

- B. Chỉ ra nguyên nhân động lực của sự phát triển
- C. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 20: Sự vận động phát triển bắt đầu từ đâu?

A. Những thay đổi dần dần về lượng

B. Điểm nút

C. Bước nhảy

D. Thay đổi về chất

Câu 21: Chọn đáp án đúng khi nói về Biểu hiện ra bên ngoài của quy luật?

A. Tính bản chất

B. Tính lặp lại

C. Tính phổ biến

D. Tính khách quan

Câu 22: Trong một Độ nhất định thì:

A. Lượng có thể thay đổi theo chiều tăng hoặc giảm còn chất không đổi

B. Lượng không thay đổi còn chất thay đổi

C. Chất và lượng cố định

D. Các phương án trên đều sai

Câu 23: Phủ định biện chứng là gì?

A. Không có sự kế thừa

B. Sự mất đi của một sự vật

C. Có nguyên nhân bên ngoài sự vật hiện tượng

D. Sự thay thế cái cũ bằng cái mới

Câu 24: Vì sao trong cuộc sống phải chú ý tích lũy những thay đổi về lượng?

A. Vì sự vận động bắt đầu từ bước nhảy

B. Vì sự vận động bắt đầu từ thay đổi về chất

C. Vì mâu thuẫn của cuộc sống quy định

D. Vì sự thay đổi về lượng sẽ dẫn đến thay đổi về chất và sẽ tạo ra sự phát triển

Câu 25: Lượng là gì?

A. Là tính quy định vốn có của sự vật, là con số các thuộc tính làm thành sự vật, nói lên quy mô, trình độ của sự vật

B. Thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm thành sự vật khiến cho nó là nó và phân biệt nó với cái khác

C. Có tính chủ quan

D. Các phương án trên đều sai

Câu 26: "Chất và Lượng thống nhất trong một độ" có nghĩa là gì?

A. Trong một độ nhất định những thay đổi về lượng không làm thay đổi chất

B. Trong một độ, chất biến đổi còn lượng không biến đổi

C. Trong một độ nhất định những thay đổi về lượng làm thay đổi chất ngay

D. Chất và lượng biến đổi đồng thời

Câu 27: Điền tiếp vào chỗ trống "Trong quá trình vận động và phát triển, khi cái mới ra đời thay thế cái cũ chính là ____"

A. Mâu thuẫn được giải quyết ✓

B. Bước nhảy được thực hiện hoàn toàn ✓

C. Phủ định biện chứng ✓

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 28: Quy luật là gì?

A. Mọi liên hệ bên trong của sự vật

B. Tất cả các mối liên hệ của sự vật

C. Mọi liên hệ bản chất, tất yếu, phổ biến, lặp đi lặp lại của sự vật

D. Mọi liên hệ bên ngoài sự vật

Câu 29: Lượng là gì?

A. Tính quy định vốn có của sự vật

B. Con số các thuộc tính làm thành sự vật

C. Nói lên quy mô, trình độ của sự vật

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 30: Quy luật Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập còn được gọi là gì?

A. Quy luật Phủ định của phủ định

B. Quy luật Lượng – Chất

C. Quy luật Mâu thuẫn

D. Quy luật chung

Câu 31: Phân loại quy luật theo phạm vi tác động có:

A. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật riêng

B. Quy luật riêng/ quy luật chung/ quy luật phổ biến

C. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật của tư duy

D. Quy luật tự nhiên/ quy luật xã hội/ quy luật phổ biến

Tuần 5

Câu 1: Nhận thức Lí tính là gì?

A. Giai đoạn cao của quá trình nhận thức, là sự phản ánh gián tiếp dựa trên những kết quả của nhận thức cảm tính

B. Có 3 hình thức là: Khái niệm, phán đoán, suy luận

C. Kết quả của nhận thức là hình ảnh bên trong, bản chất của sự vật

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Nhận thức Lí tính có những hình thức nào?

A. Phán đoán/ suy luận

B. Khái niệm/ phán đoán/ suy luận

C. Khái niệm/ phán đoán

D. Khái niệm/ suy luận

Câu 3: Loại hình nào sau đây của Thực tiễn là cơ bản nhất?

- A. Thực nghiệm khoa học tự nhiên
- B. Đấu tranh giai cấp
- C. Cách mạng xã hội

☒ D. Lao động sản xuất

Câu 4: Thực tiễn có các loại hình nào sau đây?

- A. Hoạt động chính trị xã hội/ thực nghiệm khoa học
- ☒ B. Sản xuất vật chất/ hoạt động chính trị xã hội / thực nghiệm khoa học**
- C. Sản xuất vật chất/ hoạt động chính trị xã hội
- D. Sản xuất vật chất

Câu 5: Khách thể nhận thức là:

- A. Có tính chủ động trong quan hệ với chủ thể
- B. Quyết định việc hình thành mối quan hệ với chủ thể nhận thức
- ☒ C. Một bộ phận của thế giới khách quan tham gia vào quan hệ với chủ thể**
- D. Toàn bộ thế giới khách quan

Câu 6: Hoàn thành câu dưới đây:

“Từ đến tư duy trừu tượng và từ đến thực tiễn. Đó là con đường biện chứng của sự....., nhận thức hiện thực khách quan”

- ☒ A. trực quan sinh động/ tư duy trừu tượng/ nhận thức chân lý**
- B. nhận thức lý tính/ nhận thức cảm tính/ hiện thực
- C. thực tiễn/ nhận thức cảm tính/ nhận thức
- D. hiện thực khách quan/ trực quan sinh động/ tư duy

Câu 7: Chủ thể nhận thức là:

- A. Con người cụ thể
- B. Có ý thức, có các quan hệ xã hội
- C. Biết lao động và bằng lao động thỏa mãn nhu cầu của mình

☒ D. Các phương án trên đều đúng

Câu 8: Nhận thức là một quá trình:

- A. Đi từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều
- B. Từ hiện tượng đến bản chất
- C. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn

D Các phương án trên đều đúng

Câu 9: Nhận thức cảm tính là gì?

- A. Giai đoạn thấp của quá trình nhận thức/ có 3 hình thức là cảm giác, tri giác, biểu tượng
- B. Sự phản ánh được thực hiện khi các sự vật hiện tượng trực tiếp tác động vào các giác quan
- C. Kết quả của nhận thức là hình ảnh bề ngoài của sự vật

D Các phương án trên đều đúng

Câu 10: Chọn đáp án đúng khi nói về “Nhận thức” theo quan điểm Duy vật biện chứng:

- A. Là quá trình phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy
- B. Được thực hiện trong quan hệ Chủ - Khách thể
- C. Được thực hiện trên cơ sở thực tiễn, do thực tiễn quy định

D Các phương án trên đều đúng

Câu 11: Nhận thức cảm tính có những hình thức nào?

A. Cảm giác/ biểu tượng

B. Cảm giác/ tri giác/ biểu tượng

C. Khái niệm/ cảm giác

D. Khái niệm / phán đoán/ suy luận

Câu 12: Theo quan điểm Duy tâm khách quan, Nhận thức là gì?

A. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách máy móc

B. Sự phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy trên cơ sở thực tiễn

C. Phức hợp của cảm giác

D. Sự hồi tưởng lại của ý niệm ✕

Câu 13: Theo quan điểm Duy vật biện chứng, Nhận thức là gì?

A. Phức hợp của cảm giác ✕

B. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách máy móc ✕

C. Sự phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy trên cơ sở thực tiễn

D. Sự hồi tưởng lại của ý niệm ✕

Câu 14: Thực tiễn là gì?

A. Toàn bộ hoạt động vật chất của con người

B. Có tính mục đích, tính lịch sử - xã hội

C. Nhằm cải biến tự nhiên và xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 15: Theo quan điểm Duy tâm chủ quan, Nhận thức là gì?

A. Sự hồi tưởng lại của ý niệm

B. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách máy móc

C. Phức hợp của cảm giác

D. Sự phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy trên cơ sở thực tiễn

Câu 16: Nhận thức cảm tính là gì?

A. Giai đoạn ~~cao~~ của quá trình nhận thức

B. Là sự phản ánh được thực hiện khi các sự vật hiện tượng trực tiếp tác động vào các giác quan

C. Kết quả của nhận thức là hình ảnh bản chất của sự vật

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 17: Theo quan điểm Duy vật siêu hình, Nhận thức là gì?

A. Sự hồi tưởng lại của ý niệm

B. Sự phản ánh tái tạo lại hiện thực trong tư duy trên cơ sở thực tiễn

C. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách máy móc

D. Phức hợp của cảm giác

Câu 18: Quan hệ chủ - khách thể là tương quan đặc biệt vì:

A. Chủ thể có vai trò chủ động hình thành mối quan hệ còn Khách thể quyết định nội dung của sự phản ánh

B. Chủ thể là con người ~~cụ thể~~

C. Khách thể là một bộ phận của thế giới khách quan

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 19: ", từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn", ở giai đoạn này thực tiễn có vai trò gì?

A. Là mục đích và tiêu chuẩn kiểm tra nhận thức

B. Là mục đích của nhận thức

C. Là tiêu chuẩn kiểm tra nhận thức

D. Là cơ sở của nhận thức

Câu 20: Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Là mục đích/ là cơ sở/ là động lực/ là tiêu chuẩn kiểm tra nhận thức

B. Là cơ sở của nhận thức

C. Là mục đích của nhận thức/ là tiêu chuẩn kiểm tra nhận thức

D. Là động lực của nhận thức/ là cơ sở của nhận thức

Tuần 6

Câu 1: Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất giống nhau như thế nào?

- A. Điều hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn
- B. Điều là những quan hệ (mối liên hệ), tạo nên một phương thức sản xuất nhất định
- C. Điều có tính khách quan

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Quan hệ sản xuất tác động trở lại Lực lượng sản xuất thông qua yếu tố nào của Lực lượng sản xuất?

- A. Thông qua đối tượng lao động
- B. Thông qua tư liệu sản xuất
- C. Thông qua công cụ sản xuất

D. Thông qua yếu tố người lao động

Câu 3: Hoạt động nào được Mác lựa chọn để bắt đầu nghiên cứu xã hội?

A. Sản xuất vật chất

- B. Hoạt động chính trị xã hội
- C. Thực nghiệm khoa học
- D. Đấu tranh giai cấp

Câu 4: Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội?

- A. Là tiêu chuẩn kiểm tra nhận thức
- B. Là động lực của nhận thức
- C. Là cơ sở, là mục đích của nhận thức

D. Duy trì sự tồn tại của xã hội, đảm bảo sự phát triển xã hội ; là cơ sở của mọi quan hệ xã hội và của tiến bộ xã hội

Câu 5: Trong một Phương thức sản xuất, mâu thuẫn giữa Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất do nguyên nhân nào?

A. Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển

B. Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển/ Quan hệ sản xuất tương đối ổn định

C. Quan hệ sản xuất không ngừng phát triển/ Lực lượng sản xuất tương đối ổn định

D. Quan hệ sản xuất quy định

Câu 6: Chọn phương án đúng nhất khi nói về Quan hệ sản xuất:

A. Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong sản xuất }

B. Quan hệ sản xuất có 3 mặt: quan hệ về sở hữu Tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức quản lý sản xuất; quan hệ trong phân phối sản phẩm của lao động

C. Quan hệ sản xuất thuộc lĩnh vực vật chất của đời sống xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 7: Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất khác nhau như thế nào?

A. Lực lượng sản xuất là quan hệ giữa người với Tự nhiên/ Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong sản xuất ✓

B. Lực lượng sản xuất gồm Người lao động và Tư liệu sản xuất/ Quan hệ sản xuất gồm 3 mặt: quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất; quan hệ trong tổ chức quản lý sản xuất; quan hệ trong phân phối .

C. Lực lượng sản xuất liên tục phát triển, tính kế thừa/ Quan hệ sản xuất có tính tương đối ổn định, tính gián đoạn

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 8: Lực lượng sản xuất là gì?

A. Tiêu biểu cho bản chất kinh tế của 1 xã hội nhất định

B. Biểu thị quan hệ giữa người với người trong sản xuất

C. Có tính chủ quan vì đó là hoạt động của con người

D. Biểu thị quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất

Câu 9: Điền tiếp vào chỗ trống “Mối quan hệ biện chứng giữa Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất thể hiện ở G”

- A. Lực lượng sản xuất quyết định Quan hệ sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất tác động trở lại Lực lượng sản xuất

C. Lực lượng sản xuất quyết định Quan hệ sản xuất và Quan hệ sản xuất tác động trở lại Lực lượng sản xuất

- D. Các phương án trên đều ~~đúng~~

Câu 10: Trong một Phương thức sản xuất, sự phù hợp của Quan hệ sản xuất với Lực lượng sản xuất chỉ là tương đối vì sao?

- A. Lực lượng sản xuất luôn biến đổi
- B. Lực lượng sản xuất không biến đổi và Quan hệ sản xuất tương đối ổn định

C. Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển còn Quan hệ sản xuất tương đối ổn định

- D. Quan hệ sản xuất biến đổi không ngừng

Câu 11: Công cụ sản xuất là nhân tố động nhất và cách mạng nhất trong Lực lượng sản xuất là vì sao?

- A. Do đối tượng lao động quy định

B. Do người lao động không ngừng cải tiến công cụ sản xuất và sự thay đổi của công cụ sản xuất sẽ làm thay đổi tất cả các yếu tố khác của lực lượng sản xuất

- C. Do tư liệu lao động
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 12: Phương thức sản xuất là gì?

- A. Phương thức sản xuất là cách thức người ta sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử
- B. Phương thức sản xuất là thống nhất biện chứng của hai mặt Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất
- C. Phương thức sản xuất là một nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 13: Lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào sau đây?

- A. Người lao động và Công cụ sản xuất
- B. Tư liệu lao động và đối tượng lao động

C. Người lao động và Tư liệu sản xuất

- D. Người lao động và đối tượng lao động

Câu 14: Biện chứng giữa Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất biểu hiện?

- A. Quan hệ sản xuất quyết định Lực lượng sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất có vai trò ngang nhau

C. Lực lượng sản xuất quyết định Quan hệ sản xuất và Quan hệ sản xuất có tác động trở lại Lực lượng sản xuất

- D. Lực lượng sản xuất quyết định Quan hệ sản xuất

Câu 15: Thước đo trình độ của Lực lượng sản xuất là gì?

A. Năng suất lao động và hiệu quả của sản xuất

- B. Trình độ của người lao động
- C. Trình độ của công cụ sản xuất
- D. Trình độ tổ chức quản lý sản xuất

Câu 16: Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội?

- A. Duy trì sự tồn tại của xã hội
- B. Đảm bảo sự phát triển xã hội
- C. Là cơ sở của mọi quan hệ xã hội và của tiến bộ xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 17: Trình độ của ~~Lực lượng sản xuất~~ tùy thuộc vào những yếu tố nào?

- A. Trình độ của công cụ sản xuất
- B. Trình độ tổ chức quản lý sản xuất
- C. Trình độ của người lao động

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 18: Lực lượng sản xuất là gì?

- A. Biểu thị quan hệ giữa con người với tự nhiên trong sản xuất
- B. Là biểu thị năng lực và trình độ chinh phục tự nhiên của con người
- C. Cấu trúc Lực lượng sản xuất bao gồm Người lao động và Tư liệu sản xuất

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 19: Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển là yếu tố nào quyết định?

- A. Do tư liệu sản xuất
- B. Do người lao động**
- C. Do tư liệu lao động
- D. Do công cụ sản xuất

Câu 20: Tính vật chất của Quan hệ sản xuất biểu hiện như thế nào?

- A. Không phụ thuộc vào cảm giác

B. Quan hệ sản xuất do Lực lượng sản xuất quy định một cách khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người

- C. Tính khách quan
- D. Tồn tại chủ quan

Câu 21: Sản xuất vật chất là gì?

- A. Hoạt động thực tiễn
- B. Hoạt động của con người sử dụng công cụ sản xuất tác động vào tự nhiên để tạo ra của cải vật chất thỏa mãn cho nhu cầu của mình
- C. Có tính khách quan, tính lịch sử, tính xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 22: Lực lượng sản xuất quyết định Quan hệ sản xuất như thế nào?

- A. Một Lực lượng sản xuất thế nào sẽ quy định một Quan hệ sản xuất tương ứng
- B. Lực lượng sản xuất thay đổi sẽ đòi hỏi Quan hệ sản xuất thay đổi theo
- C. Sự thay đổi của một Quan hệ sản xuất phụ thuộc khách quan vào Lực lượng sản xuất, con người không thể tùy tiện thay đổi Quan hệ sản xuất

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 23: Hãy chọn cụm từ thích hợp nhất để hoàn chỉnh câu sau : "_____ làm cho sự vận động của lịch sử là sự kế tiếp nhau của các PTSX từ thấp đến cao"

A. Biện chứng giữa Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất

- B. Biện chứng giữa Cơ sở hạ tầng và Kiến trúc thượng tầng
- C. Biện chứng giữa Tồn tại xã hội và Ý thức xã hội
- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 24: Tính chất cá nhân hay tính chất xã hội của Lực lượng sản xuất phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. Tính chất của lao động
- B. Tính chất của tư liệu lao động
- C. Cách thức tổ chức và phân công lao động

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 25: Sự phù hợp của Quan hệ sản xuất với trình độ Lực lượng sản xuất là gì?

A. Sự thích hợp của các hình thức quản lí sản xuất

B. Là một trạng thái trong đó các mặt của Quan hệ sản xuất tạo địa bàn cho sự kết hợp tối ưu các yếu tố của Lực lượng sản xuất

- C. Sự thích hợp của các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất
- D. Làm cho Lực lượng sản xuất phát triển

Câu 26: Muốn cho sản xuất được tiến hành, tất yếu phải có những nhân tố nào sau đây?

A. Môi trường tự nhiên, dân số, phương thức sản xuất

- B. Môi trường tự nhiên
- C. Phương thức sản xuất
- D. Dân số

Câu 27: Điền tiếp vào chỗ trống “Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong sản xuất thể hiện _____”

- A. Ở quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất/ quan hệ trong phân phối sản phẩm
- B. Ở quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất
- C. Ở quan hệ trong tổ chức sản xuất/ quan hệ trong phân phối

D. Ở quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất/ quan hệ trong tổ chức sản xuất/ quan hệ trong phân phối sản phẩm

Câu 28: Câu nói “Trong tương lai khoa học sẽ trở thành Lực lượng sản xuất trực tiếp” là của ai?

- A. Hồ Chí Minh
- B. Ph. Ăng ghen
- C. V. Lênin

D. C. Mác

Tuần 7

Câu 1: Cơ sở hạ tầng của một xã hội nhất định bao gồm?

- A. Quan hệ sản xuất thống trị và Quan hệ sản xuất tàn dư của các xã hội trước đó
- B. Quan hệ sản xuất tàn dư của xã hội cũ và Quan hệ sản xuất mầm mống của xã hội tương lai

C. Quan hệ sản xuất thống trị - Quan hệ sản xuất tàn dư của các xã hội trước đó - Quan hệ sản xuất mầm mống của xã hội tương lai

- D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Hình thái kinh tế - xã hội là gì?

- A. Một phạm trù của Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- B. Chỉ một xã hội cụ thể trong một giai đoạn nhất định của lịch sử
- C. Với các mặt cơ bản là Lực lượng sản xuất, Quan hệ sản xuất, Kiến trúc thượng tầng dựng trên những Quan hệ sản xuất

D. Tất cả các phương án trên

Câu 3: Tại sao trong một cơ sở hạ tầng nhất định lại có nhiều kiểu Quan hệ sản xuất cùng tồn tại?

- A. Do Quan hệ sản xuất tàn dư của các xã hội cũ quy định
- B. Do Quan hệ sản xuất mầm mống của xã hội tương lai quy định
- C. Do có nhiều trình độ khác nhau của Lực lượng sản xuất đang tồn tại quy định**
- D. Do Quan hệ sản xuất thống trị quy định

Câu 4: Cơ sở hạ tầng là gì?

- A. Toàn bộ những Quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của 1 xã hội nhất định**
- B. Là cơ cấu chính trị của 1 xã hội nhất định ✗
- C. Là quan hệ giữa người với tự nhiên trong sản xuất ở 1 xã hội nhất định ✗
- D. Các phương án trên đều đúng ✗

Câu 5: Cơ sở hạ tầng có những chức năng nào?

- A. Thông qua các Quan hệ sản xuất, Lực lượng sản xuất từ khả năng trở thành hiện thực/ Là nền móng của cơ cấu chính trị văn hóa của xã hội**
- B. Duy trì bảo vệ Kiến trúc thượng tầng
- C. Phản ánh Kiến trúc thượng tầng
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 6: Kiến trúc thượng tầng là gì?

- A. Toàn bộ những tư tưởng xã hội
- B. Các thiết chế tương ứng với các tư tưởng, các quan hệ nội tại thượng tầng
- C. Là sự phản ánh và được dựng trên một cơ sở hạ tầng nhất định
- D. Các phương án trên đều đúng**

Câu 7: Đáp án nào sau đây là đúng khi nói về “Sự phát triển của xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên”?

A. Là do sự tác động của các quy luật khách quan

B. Là do ý muốn của thượng đế

C. Do sự tác động của quy luật về sự phù hợp của Quan hệ sản xuất với trình độ Lực lượng sản xuất; quy luật Cơ sở hạ tầng quyết định Kiến trúc thượng tầng

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 8: Chủ trương Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng cộng sản Việt Nam là nhằm:

A. Hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa

B. Tạo lập quan hệ sản xuất mới

C. Phát triển lực lượng sản xuất tạo tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội

D. Do ý muốn chủ quan của Đảng

Câu 9: Bản chất của xã hội do những quan hệ nào quy định?

A. Lực lượng sản xuất và Kiến trúc thượng tầng

B. Cơ sở hạ tầng và Kiến trúc thượng tầng

C. Tồn tại xã hội và Ý thức xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 10: Chức năng của Kiến trúc thượng tầng là gì?

A. Duy trì, bảo vệ, phát triển cơ sở hạ tầng sinh ra nó

B. Phản ánh cơ sở hạ tầng

C. Bảo vệ kết cấu chính trị

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 11: Giai cấp là 1 hiện tượng xã hội có nguyên nhân kinh tế vì:

A. Nguyên nhân trực tiếp sinh ra giai cấp là chế độ tư hữu.

B. Giai cấp xuất hiện là do LLSX quy định

C. Giai cấp chỉ tồn tại trong những giai đoạn nhất định của lịch sử

D. Các phương án đều đúng

Câu 12: Đáp án nào sau đây là đúng khi nói về “Sự phát triển của xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên”?

A. Là do sự tác động của các quy luật khách quan ✗

B. Là do ý muốn của thượng đế ✗

C. Do sự tác động của quy luật về sự phù hợp của Quan hệ sản xuất với trình độ Lực lượng sản xuất; quy luật Cơ sở hạ tầng quyết định Kiến trúc thượng tầng

D. Các phương án trên đều đúng

Tuần 8

Câu 1: Ý thức xã hội là gì?

A. Toàn bộ những tư tưởng xã hội

B. Phản ánh của tồn tại xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử

C. Có tính kế thừa

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 2: Con người là gì?

A. Chỉ là chủ thể nhận thức

B. Là Sự thống nhất của mặt sinh học và mặt xã hội

C. Thuần túy ở bản chất xã hội

D. Chỉ là chủ thể hoạt động thực tiễn

Câu 3: Chọn phương án thích hợp để hoàn thành câu dưới đây:

“Cách mạng xã hội trong quá trình phát triển của xã hội , ở đó diễn ra Từ một ... xã hội này sang một hình thái xã hội khác”

A. Là một bước nhảy vọt vĩ đại / sự thay đổi căn bản/ hình thái/ cao hơn

B. Là một bước nhảy vọt vĩ đại / sự thay đổi căn bản/ chế độ/ cao hơn

C. Là một bước nhảy vọt vĩ đại / sự thay đổi / hình thái/ cao hơn

D. Hiện tượng/ sự thay đổi căn bản/ hình thái/ cao hơn

Câu 4: Tồn tại xã hội là gì?

A. Các nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống

B. Bao gồm Môi trường tự nhiên, dân số, phương thức sản xuất

C. Là mặt vật chất của đời sống xã hội

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 5: Cấu trúc của Ý thức xã hội bao gồm:

A. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

B. Lí luận khoa học

C. Tâm lý xã hội và Hệ tư tưởng xã hội

D. Phong tục, thói quen

Câu 6: Tính chất và hiệu quả của tác động của Ý thức xã hội đến Tồn tại xã hội phụ thuộc vào những yếu tố nào?

A. Mức độ đúng đắn của tư tưởng với hiện thực

B. Lập trường và vai trò lịch sử của giai cấp đề ra tư tưởng

C. Mức độ truyền bá của tư tưởng trong quần chúng

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 7: Câu dưới đây của ai:

“Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội”

A. Karl Marx

B. Engels

C. Hồ Chí Minh

D. Lenin

Câu 8: Cách mạng xã hội là gì?

A. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh giai cấp

B. Lúc giải quyết mâu thuẫn giữa các giai cấp bị áp bức và giai cấp thống trị đã lỗi thời

C. Phương thức mà các giai cấp cách mạng làm chuyển biến xã hội sang một PTSX mới cao hơn

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 9: Theo Marx: Tự do là gì?

A. Tự do cá nhân

B. Tự do tuyệt đối

C. Cái tất yếu được nhận thức

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 10: Cách mạng xã hội là:

A. Phương thức thay thế các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử

B. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh giai cấp

C. Bước nhảy từ HTKTXH thấp sang HTKTXH cao hơn

D. Các phương án đều đúng

Câu 11: Tính độc lập tương đối của Ý thức xã hội?

A. Biểu hiện ở sự lạc hậu của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội

B. Có tính vượt trước tồn tại xã hội

C. Có sự kế thừa tư tưởng của các thời đại trước

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 12: Tính độc lập tương đối của Ý thức xã hội thể hiện qua:

A. Tính kế thừa/ tính lạc hậu

B. Tính vượt trước/ tính kế thừa

C. Tính lạc hậu/ tính vượt trước

D. Tính lạc hậu/ tính vượt trước/ tính kế thừa

Câu 13: Cách mạng xã hội là bước nhảy của lịch sử vì nó:

A. Thay đổi giai cấp cầm quyền

B. Đỉnh cao của đấu tranh giai cấp

C. Giành được chính quyền

D. Giải quyết được mâu thuẫn cơ bản nhất của xã hội

Câu 14: Mọi quan hệ biện chứng giữa Tồn tại xã hội và Ý thức xã hội là

- A. Quan hệ giữa Vật chất và Ý thức trong đời sống xã hội
- B. Được hình thành trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức
- C. Sự tác động hai chiều giữa TTXH và YTXH

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 15: Cách mạng xã hội có nguyên nhân khách quan là:

- A. Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX
- B. Mâu thuẫn giữa 2 giai cấp cơ bản đã đến đỉnh điểm
- C. Sự phát triển của LLSX

D. Tất cả các phương án trên đều đúng